

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIỆM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tổ Vân

Thời gian: 28/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 43

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật! Hôm nay, tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ mười hai.

Phẩm Thứ Mười Hai: Quang Minh Biến Chiếu

Phẩm này nói về chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc.

1. Tán thán quang minh của Di-đà là tối tôn đệ nhất, vượt trội mười phương.
2. Diễn nói nhân thù thắng của quang minh Di-đà.
3. Nói về 12 danh hiệu quang minh của Di-đà.
4. Nói về diệu dụng thù thắng của quang minh Di-đà.

Những sự tướng này đều là tự tánh của hành giả, chẳng phải là cầu pháp ngoài tâm. Chỉ có đã nhận thức được căn bản về điều này thì mới có thể thật sự tin và bước vào pháp môn Tịnh độ.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Phật bảo A-nan: uy thần quang minh của A-di-đà Phật tối tôn đệ nhất, chư Phật mười phương chẳng thể sánh bằng, chiếu khắp hằng sa cõi Phật ở phương Đông. Các phương Nam Tây Bắc, trên dưới và bốn phương phụ cũng là như vậy. Vàng sáng tròn trên đỉnh của ngài, hoặc chiếu xa một hai ba bốn do-tuần, hoặc trăm ngàn vạn ức do-tuần. Quang minh của chư Phật hoặc chiếu một hai cõi Phật, hoặc chiếu trăm ngàn cõi Phật. Chỉ có quang minh của A-di-đà Phật chiếu khắp vô lượng vô biên vô số cõi Phật. Quang minh của chư Phật chiếu xa hay gần, là do đời trước cầu đạo, công đức bốn nguyện lớn nhỏ không đồng, đến khi thành Phật, sở đắc của mỗi vị không như nhau, thành tựu tự tại, không phải do sắp xếp từ trước. Quang minh của A-di-đà Phật tốt lành, vượt

hơn ngàn vạn ức lần ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, là quang minh tôn quý nhất, vua trong các Phật.

Đại ý của đoạn này là: Phật nói với ngài A-nan, uy thần và quang minh của A-di-đà Phật đứng ở vị trí tôn quý đệ nhất, hết thấy chư Phật mười phương đều không thể sánh bằng. Phật quang chiếu khắp các cõi Phật ở phương Đông nhiều như cát sông Hằng, ba phương còn lại là Nam, Tây, Bắc và các phương trên dưới, cũng đều được chiếu khắp như vậy. Nếu hóa hiện vàng sáng tròn trên đánh, có thể là vài do-tuần, hoặc trăm ngàn vạn ức do-tuần. Còn về quang minh của chư Phật, gần thì chiếu một hai cõi Phật, xa thì chiếu trăm ngàn cõi Phật, duy chỉ có quang minh của A-di-đà Phật chiếu khắp đến vô lượng vô biên cõi Phật. Quang minh của chư Phật chiếu xa hay gần là do đời trước các ngài cầu đạo đã phát các nguyện lớn nhỏ khác nhau. Đến khi thành Phật, mỗi vị tự nhiên đắc được Phật quang và diệu quả khác nhau. Những việc này đều thành công một cách tự nhiên, không phải dựa vào sắp xếp tạo tác. Quang minh của A-di-đà Phật hiền thiện tốt đẹp, vượt hơn ánh sáng của mặt trời mặt trăng ở thế gian ngàn ức vạn lần. Quang minh của A-di-đà Phật tôn quý nhất trong hết thấy ánh sáng Phật, A-di-đà Phật thật sự là vua trong các Phật.

Tiếp theo, chia thành bốn đoạn nhỏ để giải thích đoạn kinh văn này:

Đoạn nhỏ thứ nhất:

“Phật bảo A-nan: uy thần quang minh của A-di-đà Phật tối tôn đệ nhất, chư Phật mười phương chẳng thể sánh bằng.”

“Uy” là chỉ uy đức. “Thần” là thần diệu, thần thái. Uy thần quang minh của A-di-đà Phật tối tôn đệ nhất trong chư Phật mười phương, vì thế gọi là quang minh tôn quý nhất. Còn về Phật Phật đạo đồng, “pháp này bình đẳng, không có cao thấp”, tại sao A-di-đà Phật lại được xưng là vua trong các Phật? Sư Vọng Tây nói: “Thường đồng thường biệt”, tức là thường vừa là “đồng”, lại thường vừa là “biệt”. Bốn chữ này đạo lý sâu vô cùng. Hoàng Niệm lão nói, khi ngài mới học pháp, thường nghe thượng sư nói, “trong khác biệt hiểu được ý không khác biệt, trong không khác biệt hiểu được ý khác biệt”. Thường không khác biệt là “thường đồng”, thường có khác biệt là “thường biệt”.

Hoàng Niệm lão nêu ví dụ cho chúng ta, ngài nói: trong phòng trưng bày bảo vật ở Cố Cung có rất nhiều đồ bằng vàng, tôi nói cho bạn biết, những thứ này đều

giống nhau, vì toàn bộ đều là vàng. Câu nói này hoàn toàn xác đáng. Tôi lại nói với bạn, những thứ này đều không giống nhau, đây là cái chậu, kia là cái bát, đây là tháp, đó là tượng Phật. Hơn nữa, tượng Phật trong đó cũng không giống nhau, đây là Thích-ca Mâu-ni Phật, kia là A-di-đà Phật, có rất nhiều sự khác biệt. Câu nói này cũng hoàn toàn xác đáng. Vừa rồi nói những thứ này đều giống nhau, câu nói này hoàn toàn xác đáng; bây giờ lại nói những thứ này đều không giống nhau, có khác biệt, câu nói này cũng hoàn toàn xác đáng. Do vậy là “thường đồng, thường biệt”.

Phật pháp khác với quy luật logic, thừa nhận “đồng” thì không thừa nhận “biệt”, thừa nhận “biệt” thì không thừa nhận “đồng”. Diệu đức mà chư Phật chứng đắc là đồng; Bồ-tát thành Phật đều có nguyện lực riêng, tùy theo nội dung bốn nguyện mà thành tựu cũng tự nhiên khác nhau. Phát nguyện có lớn nhỏ khác nhau, vì thể quang minh cũng có ưu kém khác nhau. Vì đại sĩ Pháp Tạng lúc ở nhân địa phát nguyện nói: “Khi con thành Phật, quang minh vô lượng... tuyệt đối vượt hơn chư Phật.” Cho nên sau khi thành Phật, Phật quang tối tôn đệ nhất. Ngài Pháp Tạng phát đại nguyện như vậy, không phải vì muốn xưng vương xưng bá, vượt trên hết thảy Phật. Nếu ngài có ý nghĩ như vậy thì đã thành ma từ lâu rồi. Ngài là vì độ chúng sanh, muốn ban cho vô lượng chúng sanh lợi ích chân thật lớn nhất, cho nên ngài mới cần quang minh vô lượng, tối tôn đệ nhất.

Đoạn nhỏ thứ hai:

“Chiếu khắp hằng sa cõi Phật ở phương Đông. Các phương Nam Tây Bắc, trên dưới và bốn phương phụ cũng là như vậy.”

Quang minh của Phật có thể chiếu đến số cõi Phật nhiều như cát sông Hằng không thể nào đếm hết. Tam thiên đại thiên thế giới là một cõi Phật. “Các phương Nam Tây Bắc, trên dưới và bốn phương phụ” chính là mười phương, quang minh của Phật đều có thể chiếu đến.

Đoạn nhỏ thứ ba:

“Vàng sáng tròn trên đỉnh của ngài, hoặc chiếu xa một hai ba bốn do-tuần, hoặc trăm ngàn vạn ức do-tuần. Quang minh của chư Phật hoặc chiếu một hai cõi Phật, hoặc chiếu trăm ngàn cõi Phật. Chỉ có quang minh của A-di-đà Phật chiếu khắp vô lượng vô biên vô số cõi Phật. Quang minh của chư Phật chiếu xa hay gần, là do đời trước cầu đạo, công đức bốn nguyện lớn nhỏ không đồng, đến

khi thành Phật, sở đắc của mỗi vị không như nhau, thành tựu tự tại, không phải do sắp xếp từ trước.”

Vàng sáng tròn trên đảnh Phật có lớn nhỏ, có thể là một hai ba bốn do-tuần, quang minh trên đảnh Phật có cái là một hai do-tuần, có cái là trăm ngàn vạn ức do-tuần. Quang minh của chư Phật, có cái chiếu một hai cõi Phật, có cái chiếu trăm ngàn cõi Phật. Duy chỉ có quang minh của A-di-đà Phật là chiếu khắp vô lượng vô biên vô số cõi Phật. Quang minh của chư Phật chiếu xa hay gần, vốn là do nguyện đã phát và công đức có lớn nhỏ khác nhau khi các ngài cầu đạo ở đời trước, do vậy nguyện chẳng hề phát sưng, đợi đến lúc các ngài thành Phật, tự nhiên như vậy mà hình thành, không phải là thiết kế sắp đặt từ trước.

Đoạn nhỏ thứ tư:

“Quang minh của A-di-đà Phật tốt lành, vượt hơn ngàn vạn ức lần ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, là quang minh tôn quý nhất, vua trong các Phật.”

Quang minh của A-di-đà Phật là lành và tốt, vượt hơn ánh sáng của mặt trời mặt trăng ngàn ức vạn lần. Vì thế, A-di-đà Phật được xưng là quang minh tôn quý nhất, vua trong các Phật.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Vì thế Phật Vô Lượng Thọ còn có hiệu là Phật Vô Lượng Quang, lại có hiệu là Phật Vô Biên Quang, Phật Vô Ngại Quang, Phật Vô Đẳng Quang, lại có hiệu là Trí Huệ Quang, Thường Chiếu Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỷ Quang, Giải Thoát Quang, An Ẩn Quang, Siêu Nhật Nguyệt Quang, Bất Tư Nghị Quang.

Phật đã nêu ra 12 tên gọi của quang minh, 12 loại quang minh này cũng được gọi là 12 Quang Phật. Tóm lại, đây đều là những danh hiệu của Phật Vô Lượng Thọ. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, pháp vương tử Đại Thế Chí và 52 Bồ-tát đồng luân, cùng đến trước Phật nói rằng: hằng sa kiếp quá khứ, có Phật ra đời, tên là Vô Lượng Quang, có 12 vị Như Lai liên tiếp thành Phật trong một kiếp. Vị cuối cùng được gọi là Siêu Nhật Nguyệt Quang, đức Phật ấy dạy con niệm Phật tam-muội. Bồ-tát Đại Thế Chí học được niệm Phật tam-muội từ Phật Vô Lượng Quang trong hằng sa kiếp về trước. Vì thế, Bồ-tát Đại Thế Chí là Sơ tổ của Tịnh độ tông, là chuyên tu trì danh niệm Phật.

Tiếp theo tôi sẽ nói cụ thể về 12 Quang Phật:

1. Vô Lượng Quang

Trong các sách Tịnh độ tông được xuất bản hiện nay, đã bỏ sót hai vị tổ sư là Đàm Loan và Đạo Xước, sau này cần phải đính chính. Đại sư Đàm Loan trong Luận Chủ đã phát huy yếu chỉ sâu xa của Tịnh độ tông hết sức thấu triệt, ngài là bậc đại đức chân chính. Ngài còn viết kệ tán thán A-di-đà Phật, đối với 12 Quang Phật, mỗi danh hiệu Phật đều làm một bài kệ. Bài kệ tán thán Phật Vô Lượng Quang là: “Trí tuệ quang minh chẳng thể lường, nên Phật hiệu là Vô Lượng Quang, các tướng hữu lượng nhờ quang mà tỏ rạng, vì thế đánh lễ đấng Chân Thật Minh” Bốn câu này có ý nghĩa sâu xa. Bài kệ tán thán này của đại sư khế hợp sâu với bản tâm của chư Phật, đã chỉ ra thể tánh của quang minh. Chúng ta đừng xem quang minh là sự tướng, nên biết quang minh chính là trí tuệ, trí tuệ và quang minh là không hai.

Vì sao nói như vậy? Chúng ta có thể hiểu được từ trong kinh Thủ-lăng-nghiêm. Trong kinh nói: từ nơi nhĩ căn nghe lại tự tánh, đạt đến ngọn nguồn, tất cả sáu căn đồng thời đều được giải thoát, khôi phục lại tánh nghe. Sáu căn tựa như lửa huyễn kia đột nhiên tiêu trừ, sáu trần bên ngoài cũng đồng thời tiêu diệt, hiển hiện giác tánh vốn có viên mãn thanh tịnh. Thanh tịnh đạt đến cực độ thì quang minh vốn có tự nhiên hiện ra, tịch mà thường chiếu, dung thông trùm khắp mười phương hư không. Đoạn kinh văn này nói rõ rằng, khôi phục tánh nghe thì sáu căn giải thoát, trần tiêu giác tịnh, tịnh cực quang thông, toàn bộ đã hiển thị ra cái “không hai” và diệu dụng của trí tuệ và quang minh. Trong kinh lại nói: trí tuệ và quang minh đều đạt đến đỉnh cao cùng tột, tức là Như Lai. Dựa vào kinh văn trích trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, chúng ta có thể hiểu được ý nghĩa của “trí tuệ quang minh” trong bài kệ của đại sư Đàm Loan.

Tiếp theo, giải thích một chút về “chẳng thể lường” mà đại sư Đàm Loan nói. Do sáu căn sáu thức của chúng sanh đều trở thành chướng ngại, vì thế hết thảy đều có giới hạn, đều có chướng ngại. Phật là căn trần đều tiêu hết, giác tánh viên mãn, cho nên hết thảy vô ngại, chẳng thể giới hạn, không cách nào đo lường! Do vậy nói là “không thể lường”, gọi là Vô Lượng Quang. Phàm tất cả căn - tâm - thể giới của các tướng hữu lượng, đều nhờ Phật quang mà có thể tỏ rạng, “vì thế đánh lễ đấng Chân Thật Minh”, “minh” này được gọi là chân thật minh.

Chúng ta xem thứ của người xưa, một chữ cũng không thể lơ là. Chỗ nào không hiểu thì ghi lại điều nghi vấn, đừng dùng tư tưởng rất mơ hồ của chính mình mà giải thích. “Chân thật minh” là chỉ quang minh này chính là chân thật, vì thế cần phải lễ kính.

Đặc điểm của bản kinh này là ba cái chân thật: bốn bờ chân thật, trí tuệ chân thật, lợi ích chân thật. Chân thật minh mà đại sư Đàm Loan nói, Phật quang cũng là chân thật. Từ đây có thể thấy, y báo và chánh báo của Cực Lạc là chân thật thuần nhất.

Trước đó đã nói, bốn nguyện của Di-đà là “hết thảy đều thành Phật”. Do vậy quang minh chính là Phật chân thật. Thiền sư Đại Huệ thời Tống nói: “Chỉ dùng quang minh này để tuyên diệu pháp, pháp ấy chính là quang minh này, không lìa quang minh này để nói pháp ấy.” Người tu Thiền tông thông thường, vừa nghe nói phóng quang, liền cho rằng chấp tướng. Thiền sư Đại Huệ thời Tống là vị tổ sư đã phục hưng Thiền tông, nếu không thì Thiền tông đã bị diệt vong rồi. Ngài chỉ ra phương pháp tham thoại đầu, mọi người liền bắt đầu tham thoại đầu, như vậy Thiền tông lại tồn tại thêm mấy năm. Hết thảy ở thế giới Cực Lạc đều có thể khiến người ta tăng trưởng thiện căn, đều có thể làm Phật sự. Vạn vật trong nước đều tỏa hương, hương có thể làm Phật sự.

Bóng cây bồ-đề có thể khiến người nhìn thấy đắc được ba loại nhãn, đều là đang làm Phật sự. Có thể thấy, hết thảy ở Cực Lạc đều là diệu dụng, nhưng duy chỉ có diệu dụng của quang minh là vô cùng. 12 Quang Phật đều là hiển thị diệu dụng của Phật quang. Phật quang là quang minh tôn quý nhất, Phật là vua trong các Phật. Có thể thấy công đức của vị Phật này vượt xa các vị Phật khác, vì diệu dụng của Phật quang vượt hơn hết thảy. Lễ Tán nói: “Di-đà Thế Tôn, vốn phát thệ nguyện sâu nặng, lấy danh hiệu quang minh nhiếp hóa mười phương.” Kinh A-di-đà do đại sư Huyền Trang thời Đường dịch, tên là kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ. Trong kinh nói: đức Như Lai đó thường phóng quang minh vi diệu vô biên, chiếu khắp hết thảy cõi Phật mười phương, làm các Phật sự.

Những dẫn chứng trên đủ để chứng minh Cực Lạc chủ yếu là dùng quang minh nhiếp hóa chúng sanh, làm các Phật sự, hoàn toàn phù hợp với câu “chỉ dùng quang minh này để tuyên diệu pháp” của thiền sư Đại Huệ. “Pháp ấy chính là quang minh này”, chính là hiển thị pháp và quang minh vốn là không hai, tức trí tuệ và

quang minh không hai. “Pháp này” là chỉ cho chân như và thật tướng các pháp, tức là bến bờ chân thật. Đại sư Đàm Loan gọi vô lượng quang là chân thật minh, chân thật minh chính là trí tuệ chân thật của kinh này, là quang minh do bến bờ chân thật phát ra. Cho nên quang minh tức là trí tuệ.

“Không lìa quang minh này để nói pháp ấy.” “Quang minh này” là chỉ Phật quang, quang minh do bản thể thanh tịnh phát ra. Không lìa quang minh này để nói pháp chân thật. Quang minh là sự chiếu dụng của bến bờ chân thật, chiếu dụng của bản thể chính là trí tuệ chân thật, hiển thị quang minh và trí tuệ không hai.

“Chỉ dùng quang minh này để tuyên diệu pháp” chính là ban cho lợi ích chân thật, chính là hiển thị ba cái chân thật của kinh này. Trong kinh này nói, người được Phật quang chiếu đến, “không ai không an lạc, tâm từ làm thiện, sanh đến nước con”. Lại nói: “Người gặp quang minh này, cầu diệt thiện sanh, thân ý nhu nhuyến, nếu ở nơi ba đường ác thống khổ mà gặp được quang minh này, đều được ngừng khổ, mạng chung đều được giải thoát.” Lại nữa, kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Quang minh chiếu khắp chúng sanh niệm Phật trong mười phương thế giới, nhiếp thủ chẳng bỏ”, đều là đang ban cho chúng sanh lợi ích chân thật.

Cho nên, đại sư Đàm Loan trong bài kệ nói: “Các tướng hữu lượng đều nhờ quang minh chiếu mà được tỏ rạng.” Vì đây là chân thật minh của trí tuệ và quang minh không hai, cho nên có thể tỏ rạng hết thấy các tướng hữu lượng. “Tỏ rạng” trong bài kệ, ở đây có nghĩa là hiển hiện. Còn chúng sanh, cũng là một loại tướng trong tất cả các tướng hữu lượng, được khai thị ngộ nhập tri kiến Phật. Nói đơn giản, chính là khai thị cho chúng sanh tỏ ngộ nguồn gốc, đây chính là lợi ích chân thật: tất cả chúng sanh nhờ quang minh mà khai ngộ, nhân đó mà hiểu rõ thông đạt trí tuệ chân thật.

Trong Vãng Sanh Luận Chú của đại sư Đàm Loan nói: nếu một chúng sanh gặp được quang minh của Di-đà, thì sẽ giải thoát các sự ràng buộc nơi ý nghiệp. Vì sao Thiên tôn lại không thể nghĩ bàn? Là vì đột nhiên cắt đứt trói buộc cho bạn, sau đó an trụ nơi nhà Như Lai. “Rốt ráo được ý nghiệp bình đẳng”, sẽ đắc được ý nghiệp bình đẳng rốt ráo của Như Lai, cũng chính là tâm mình với tâm Phật là tâm tâm tương ấn. Đây chính là lợi ích đạt được khi gặp Phật quang. Cho nên, sau cùng đại sư Đàm Loan muốn “vì thế đánh lễ đáng Chân Thật Minh”, muốn đánh lễ Phật quang.

2. Vô Biên Quang

Rất nhiều cổ đức giải thích chữ “biên” thành bờ mé. Vô biên là hiển thị ý nghĩa Phật quang chiếu khắp, rộng lớn vô biên. Chỉ có đại sư Đàm Loan cao hơn một bậc, giải thích chữ “biên” thành “biên” trong “nhị biên” và “biên kiến.” Bài kệ tán Phật của đại sư Đàm Loan: “Vòng sáng giải thoát vô hạn cuộc, nên Phật lại hiệu Vô Biên Quang, nhờ quang xúc chạm lìa có - không, cho nên đánh lễ đấng Bình Đẳng Giác.” Đại sư Đàm Loan dùng “giải thoát” để chú giải cho “vô biên”, điều này thù thắng hơn sự giải thích của những người khác.

Giải thoát là một trong ba đức của niết-bàn. Pháp thân là người nào cũng vốn có, nhưng vì không thể khế hợp với thật tế, không hiểu các pháp chân như vốn là không hai, bất giác khởi niệm, thế là rơi vào vô minh, chuyển biến thành vô lượng phiền não và trói buộc. Nay muốn giải thoát, quay trở về nguồn, nhận ra pháp thân vốn có, thì phải trừ sạch hết thấy sai biệt, xa lìa hai bên, hợp với trung đạo, khế hội chân như. Do đó, giải thoát chính là thể hiện cho sự lìa các bên, dứt đối đãi. Cho nên, đại sư Đàm Loan dùng giải thoát quang trong 12 quang minh để hiện rõ nghĩa lý sâu xa của vô biên quang. Đây là tầng nghĩa thứ nhất.

“Vòng sáng giải thoát không hạn cuộc.” “Vòng” là chỉ tròn đủ, đầy đủ. Ví dụ bánh xe đạp, bánh xe là tròn, trong bánh xe có rất nhiều căm xe, thiếu vài căm thì sẽ không dùng được. “Vòng sáng giải thoát” là nói về sự đầy đủ viên mãn của đức giải thoát. “Hạn” là giới hạn, “cuộc” là bị giới hạn như nhau. “Không hạn cuộc” là không có giới hạn, không có gì có thể sánh với nó. Đây là tầng nghĩa thứ hai.

Câu thứ ba trong bài kệ tán thán là “nhờ quang xúc chạm lìa có - không.” Có là một bên, không là một bên. Con người đều ở trong biên kiến, không chấp có, thì cũng chấp không, thế nhưng Phật quang vừa chiếu đến liền lìa khỏi hai bên có - không, lìa khỏi hết thấy bên, các bên và chính giữa cũng lìa, hết thấy đều không hai, khế hợp trung đạo, giải thoát rốt ráo, cho nên gọi là giải thoát quang. Đây mới là bản ý thù thắng của vô biên quang. Đây cũng là điều trong Luận Chú nói, được quang chiếu đến thì đạt được ý nghiệp bình đẳng rốt ráo của A-di-đà Phật. Trong bình đẳng, đương nhiên không còn sự khác biệt của hết thấy biên kiến nữa.

Câu tán thán cuối cùng nói: “Vì thế, đánh lễ đấng Bình Đẳng Giác.” Bình Đẳng Giác chính là chỉ A-di-đà Phật. Kinh Vô Lượng Thọ bản dịch thời Hán được gọi là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, vì thế Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác cũng chính là danh hiệu của A-di-đà Phật. Giác chính là Phật, bản dịch thời

Hán gọi A-di-đà Phật là Vô Lượng Thanh Tịnh Phật, còn gọi là Vô Lượng Thanh Tịnh Giác. Cho nên, Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác chính là Vô Lượng Thanh Tịnh Giác, chính là Phật Vô Lượng Thọ, chính là A-di-đà Phật.

Bốn câu kệ của đại sư Đàm Loan, đại ý sơ lược là: vô biên quang chính là xa rời hết thấy các bên có - không v.v., mà đặc giải thoát, viên mãn đầy đủ, chính là viên mãn chứng được đức giải thoát trong ba đức của niết-bàn. Diệu dụng của quang minh này không có giới hạn, hết thấy quang minh đều không thể ngang bằng, sánh với nó. Phàm là người được quang minh này chiếu đến, đều lìa khỏi các bên có - không v.v., được lợi ích chân thật của giải thoát. Do vậy, chúng ta đánh lễ Phật Vô Lượng Thọ - đẳng Bình Đẳng Giác.

3. Vô Ngại Quang

Bài kệ của đại sư Đàm Loan: “Mây quang vô ngại như hư không, nên Phật có hiệu Vô Ngại Quang, hết thấy hữu tình được quang minh thấm nhuần, cho nên đánh lễ đẳng Nan Tư Nghì.”

“Vô ngại” nghĩa là tự tại vô ngại. Không có chướng ngại, mới có thể tự tại; ngược lại, chỗ nào cũng bị cản trở, đều có hạn chế ràng buộc, thì không còn tự tại nữa. Thứ vô ngại nhất ở thế gian là hư không, quang minh hoặc mây quang do A-di-đà Như Lai phóng ra cũng giống như hư không, không có bất kỳ chướng ngại nào. Do vậy, Phật quang còn được gọi là “Vô Ngại Quang.” Chỗ khác với hư không là, nó có vô lượng diệu dụng. Bồ đề Sư Thế Tôn nói: “Ta là pháp vương, tự tại với các pháp”, cho nên nói, Phật quang đều vô ngại với hết thấy. Chúng sanh đang ở trong mê, ở trong vòng trói buộc, chỗ nào cũng đều là chướng ngại. Những chúng sanh hữu tình khổ nạn này, nếu có thể được sự chiếu soi của Phật quang, đều nhận được ân trạch của Phật quang, thì chướng ngại tiêu trừ, đủ để chứng minh cho bị tâm nguyện lực của Phật, diệu dụng của Phật quang, đều không thể nghĩ bàn, do vậy chúng ta phải nên đánh lễ.

4. Vô Đẳng Quang

Thấy trong hai bản dịch thời Đường và thời Tống, còn bản dịch thời Ngụy là Vô Đối Quang. “Đối” là sánh bằng, “Đẳng” là ngang bằng, đều có ý nghĩa tương đương, tương đồng. “Vô Đẳng” và “Vô Đối” chỉ là dịch giả dùng từ không như nhau.

Bài kệ tán thán Vô Đối Quang của đại sư Đàm Loan: “Quang minh thanh tịnh không gì sánh, nên Phật có hiệu là Vô Đối Quang, gặp được quang ấy nghiệp đều trừ, cho nên đánh lễ đáng Tất Cánh Y.” Tâm Phật thanh tịnh, vì thế Phật quang cũng thanh tịnh. Quang minh thanh tịnh của Phật, không có bất kỳ quang minh nào khác có thể ngang bằng và sánh bằng, cho nên gọi là vô đối quang. Không có thứ gì sánh bằng, đây là tuyệt đãi, không còn đối đãi nữa. Dùng ngôn ngữ văn tự để giải thích “tuyệt đãi” thì nói không rõ ràng, miễn cưỡng mà nói thì có chút giống với từ “tuyệt đối” trong thế gian. Đã tuyệt đối thì không còn đối đãi nữa, thế nhưng mọi người cần phải biết, bạn vừa nói tuyệt đối thì sớm đã thành tương đối rồi. Tuyệt đối và tương đối là một cặp, chúng liền có đối. Đây là cảnh giới mà ngôn ngữ không thể đạt đến.

Những đạo lý này chỉ có tự mình chân thật dụng công, chân thật tham cứu thì mới có thể hiểu rõ. “Thứ từ cửa đi vào thì chẳng phải báu vật trong nhà”, những gì mọi người nhìn thấy, nghe thấy, đều là từ cửa mắt, tai v.v. mà đi vào, đây không phải là trân bảo của nhà bạn. Kinh Thủ-lăng-nghiêm, Phật hỏi ngài Văn-thù: “Ông có phải là Văn-thù không?” Đại sĩ Văn-thù đáp: “Con thật là Văn-thù, nhưng chẳng phải là Văn-thù, nếu phải là Văn-thù, thì có hai Văn-thù.” Ý này đã dứt tuyệt đối đãi rồi. Bồ-tát Văn-thù nói: con thật là Văn-thù, nhưng không có cái gì gọi là Văn-thù, còn nếu như phải là Văn-thù thì có hai Văn-thù rồi, thật là Văn-thù, không có gì là phải hay không phải, nói phải hay không phải thì đã rơi vào hai ba từ lâu rồi. Cho nên, vô đẳng quang không có đối đãi, chính là hiển thị bên bờ chân thật của kinh này.

5. Trí Tuệ Quang

Đại sư Đàm Loan trong bài kệ về Phật Vô Lượng Quang nói: “Trí tuệ quang minh chẳng thể lường”, “vì thế đánh lễ đáng Chân Thật Minh”. Ngài tán thán Phật Vô Lượng Quang là đáng Chân Thật Minh, chứng tỏ Phật quang là quang minh từ bản thể chân thật phát ra, Phật quang tức là trí tuệ chân thật, cho nên trí tuệ và quang minh vốn là một thể, chẳng phải hai. Phương diện này phía trước đã nói rõ rồi, vì thế trong bài kệ này, chỉ tán thán diệu dụng của Trí Tuệ Quang.

Bài kệ của đại sư Đàm Loan: “Phật quang có thể phá vô minh tăm tối, nên Phật lại hiệu là Trí Tuệ Quang.” Cho nên, chỉ có trí tuệ mới phá được vô minh, Phật quang vì có thể phá trừ vô minh và cấu bẩn trong tâm của chúng sanh, nên gọi là Trí

Tuệ Quang. Sư Cảnh Hưng - đại đức của xứ Cao Ly vào thời nhà Đường nói rằng: Phật quang là từ tâm thanh tịnh mà khởi, lại có thể tiêu trừ vô minh của chúng sanh, cho nên là trí tuệ. Phật quang có đủ diệu dụng tiêu trừ vô minh căn bản của chúng sanh, thật sự có thể ban cho chúng sanh lợi ích chân thật, vì thế A-di-đà Phật được gọi là quang minh tôn quý nhất, vua trong các Phật.

6. Thường Chiếu Quang

Thấy trong bản dịch thời Tống. Bản dịch thời Ngụy là Bất Đoạn Quang. Sư Tịnh Ảnh nói: “Thường chiếu không gián đoạn, gọi là Bất Đoạn Quang.” Đủ để chứng minh Thường Chiếu Quang trong bản dịch thời Tống chính là Bất Đoạn Quang trong bản dịch thời Ngụy.

Bài kệ của đại sư Đàm Loan: “Quang minh chiếu trọn hết thủy thời, nên Phật còn hiệu Bất Đoạn Quang.”

Phật quang chiếu sáng trong hết thủy thời gian, quang minh chiếu khắp, không có gián đoạn, không hề bỏ sót. Diệu quang chiếu khắp, diệu dụng thường tồn, đại ân đại đức, thế giới Cực Lạc, A-di-đà Phật.

7. Thanh Tịnh Quang

Bài kệ của đại sư Đàm Loan: “Đạo quang rạng ngời sắc siêu tuyệt, nên Phật hiệu là Thanh Tịnh Quang. Một phen quang chiếu trừ tội cấu, đều được giải thoát, nên đánh lễ.”

Đại sư gọi Phật quang là đạo quang, do vậy đương nhiên không phải là ánh sáng đời thường của phàm tình như: lửa, hạt châu, mặt trời, mặt trăng, v.v.. Đây là quang minh từ đạo mà sanh, quang minh cùng một vị với đạo, cho nên sáng rõ, hơn nữa diệu sắc siêu tuyệt, vượt hơn hết thủy thế gian, nên gọi là thanh tịnh quang. Đại sư lại nói, quang minh này chỉ cần chiếu đến bạn, tội cấu liền tiêu trừ, đều có thể được giải thoát, cho nên chúng ta đánh lễ A-di-đà Như Lai.

Vãng Sanh Luận nói: ba loại trang nghiêm ở thế giới Cực Lạc nhập vào một câu pháp. Một câu pháp là gì? Là câu thanh tịnh. Câu thanh tịnh là gì? Chính là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Do vậy, thanh tịnh quang chính là câu thanh tịnh, chính là pháp thân, cũng chính là tự tâm của chúng ta. Cho nên mới có được diệu dụng không thể nghĩ bàn như vậy.

8. Hoan Hỷ Quang

Bài kệ của đại sư Đàm Loan: “Từ quang rộng chiếu ban an lạc, nên Phật lại hiệu Hoan Hỷ Quang.”

“Rộng” là chỉ xa và chỉ rộng. Quang minh do lòng từ của Phật mà sanh, có thể chiếu khắp đến nơi xa vô cực, có thể ban an lạc cho khắp tất cả chúng sanh, chúng sanh đạt được an lạc đều rất hoan hỷ, vì thế lại có hiệu là hoan hỷ quang.

9. Giải Thoát Quang

Thấy trong bản dịch thời Tống. Bản dịch thời Nguyên là Vô Xưng Quang.

Bài kệ của đại sư Đàm Loan: “Phật quang chiếu diệu tốt bậc nhất, nên Phật có hiệu Quang Diệu Vương, ba cõi tám tối nhờ quang chiếu, cho nên đánh lễ đảnh Đại Ứng Cúng.”

Từ bài kệ tán thán quang minh của đại sư có thể thấy, thật đức của “vô xưng quang” chính là “giải thoát quang” được bản hội tập chọn ra trong bản dịch thời Tống.

Lời tán thán nói: “Thần quang là tướng, chẳng thể gọi tên, nên Phật lại hiệu là Vô Xưng Quang. Nhờ quang mà thành Phật, quang minh rực sáng, chư Phật ngợi khen, cho nên đánh lễ.”

“Thần quang” là khen Phật quang thần diệu, phàm tình không cách nào suy đoán được. Thần quang vốn là quang minh, song thần quang là tướng. Quang minh là hết thấy tướng, chính là hiển thị ngay nơi tướng mà là tướng, ngay nơi tướng chính là đạo. Đây là đạo lý của Mật tông, ngay nơi tướng nhận ra đạo, ngay nơi sự nhận ra thứ chân thật. Không cần phải trừ bỏ hết thấy sự việc mới là chân, mà sự chính là chân. Điều này hoàn toàn nhất trí với câu “hết thấy sự rốt ráo kiên cố” trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, sự tướng không phải hư vọng, hơn nữa là rốt ráo kiên cố, hết thấy sự đều rốt ráo kiên cố, cùng với “hết thấy đều thành Phật” của kinh này đồng là nhất chân pháp giới, cảnh giới đại viên mãn vô thượng.

Diệu quang như vậy, diệu đức của nó, không thể đặt tên, không cách nào xưng tán. Thành tựu của A-di-đà Phật chính là do diệu quang là tướng như vậy, nên đại sư Đàm Loan nói “nhờ quang mà thành Phật”. Diệu quang như vậy rực sáng hư không, chư Phật mười phương đều đồng thanh tán thán, do quang minh không thể

ngĩ bàn như vậy, nên đại sư Đàm Loan phát ra lời tán thán từ tận đáy lòng, muốn đánh lễ quang minh ấy. Quang minh là tướng như vậy, lúc nào cũng đang nhiếp thọ người niệm Phật, cho nên người niệm Phật có thể thành tựu ngay trong đời này.

Hiện nay chính là lúc chúng ma hoành hành, đủ loại tà thuyết ngoại đạo, nơi đâu có cạm bẫy, song mọi người vẫn có thể luôn bình an hướng về nẻo chánh, không rơi vào đường tà, chính là nhờ Phật lực gia bị, đây là việc rất không dễ dàng.

Lời tán thán của đại sư cũng đích xác phù hợp với “giải thoát quang” của bản dịch thời Tống. Đức giải thoát là một trong ba đức của niết-bàn, chỉ có ngay nơi tướng nhận ra đạo, mới có thể không bị tướng trói buộc, thật sự là được tướng, nhất định phải ngay nơi sự mà nhận ra thứ chân thật, thì mới có thể vào được biển trí tuệ của Như Lai, những thứ nhìn thấy và xúc chạm đều là bờ-đề. “Nhờ quang mà thành Phật” chính là hiện rõ diệu dụng của trí quang, soi thấy năm uẩn đều là đệ nhất nghĩa không, phiền não tức là bờ-đề, rốt ráo giải thoát. Từ đức bát-nhã đến đức giải thoát, khôi phục đức pháp thân vốn có, viên chứng vô thượng bờ-đề, chính là nhờ quang mà thành Phật. Mới biết quang minh này chính là đức giải thoát, công phu tu đức đã viên mãn, rốt ráo thành Phật. Có thể thấy, “giải thoát quang” trong bản dịch thời Tống cùng với “vô xưng quang” trong bản dịch thời Nguyên là không hai. Phật quang là tướng, chỉ ra bản thể của sự và lý. Nhờ quang mà thành Phật, hiển bày diệu dụng của giải thoát quang. Thế nên, trong kinh nói: tán thán quang minh của Phật, chí tâm không gián đoạn, thì có thể vắng sanh.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật!